

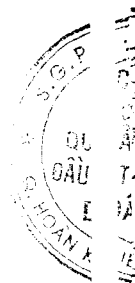
Deloitte.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ
TÀI CHÍNH DẦU KHÍ**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư Tài chính Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Khuyến Nguồn	Chủ tịch
Ông Đỗ Lê Ninh	Ủy viên
Bà Trần Thị Thủy	Ủy viên
Ông Nguyễn Thanh Hùng	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2012)
Ông Vũ Hồng Sự	Ủy viên
Ông Lý Duy Anh	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2012)

Ban Giám đốc

Bà Trần Thị Thủy	Giám đốc
Ông Mai Kim Hoàng	Phó Giám đốc
Ông Trần Xuân Tùng	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2012)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

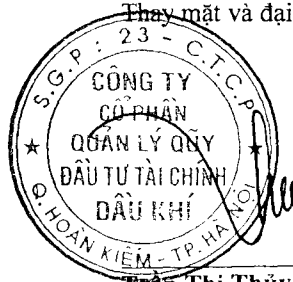
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trần Thị Thủy
Giám đốc

Ngày 08 tháng 3 năm 2013

Số: /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư Tài chính Dầu khí (PVFC Capital)**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư Tài chính Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 08 tháng 3 năm 2013, từ trang 4 đến trang 23. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Trương Anh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số Đ.0029/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 08 tháng 3 năm 2013
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Duy Cường
Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0797/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B01-CTQ

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+150)	100		111.430.643.260	98.404.267.657
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	92.804.080.199	68.308.334.274
1. Tiền	111		5.714.395.267	2.308.334.274
2. Các khoản tương đương tiền	112		87.089.684.932	66.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	7.937.814.230	14.774.490.319
1. Đầu tư ngắn hạn	121		12.700.476.307	21.984.150.727
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(4.762.662.077)	(7.209.660.408)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.154.593.473	15.121.041.051
1. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	6	9.037.289.640	14.646.773.814
2. Phải thu khác	135	7	1.117.303.833	474.267.237
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		534.155.358	200.402.013
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		55.858.500	5.544.009
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		478.296.858	194.858.004
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		7.176.037.791	8.246.245.372
I. Tài sản cố định	220		1.176.037.791	1.451.902.941
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	1.176.037.791	1.445.693.256
- Nguyên giá	222		3.135.458.998	3.118.314.584
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.959.421.207)	(1.672.621.328)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	-	6.209.685
- Nguyên giá	228		40.000.000	40.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	299		(40.000.000)	(33.790.315)
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	10	6.000.000.000	6.000.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258		6.000.000.000	6.000.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		-	794.342.431
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	766.351.798
2. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	262	11	-	27.990.633
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		118.606.681.051	106.650.513.029

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DẦU KHÍTầng 6, 22 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B01-CTQ

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		3.544.251.857	2.977.968.790
I. Nợ ngắn hạn	310		3.544.251.857	2.966.159.530
1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	1.153.522.447	95.322.024
2. Phải trả người lao động	315		17.976.816	448.491.573
3. Chi phí phải trả	316	13	1.970.132.555	771.354.848
4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		402.620.039	455.752.991
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		-	1.195.238.094
II. Nợ dài hạn	330		-	11.809.260
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	11.809.260
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=411+420)	400		115.062.429.194	103.672.544.239
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	14	100.000.000.000	100.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		15.062.429.194	3.672.544.239
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		118.606.681.051	106.650.513.029

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
1. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ	006	2.132.401.446	7.482.764.763
2. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty quản lý quỹ	020	10.568.052.632	14.501.385.965
3. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030	1.595.584.170.396	97.586.302.504
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	031	1.573.912.128.253	47.836.432.858
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	032	21.672.042.143	49.749.869.646
4. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	8.358.367.040.211	5.291.019.899.997
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041	8.311.048.029.811	5.260.849.145.811
- Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	042	47.319.010.400	30.170.754.186
5. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050	319.231.607.889	3.553.452.875

Trần Thị Thủy
Giám đốcĐỗ Thị Kim Cúc
Phụ trách kế toánPhạm Thị Thanh Vân
Người lập

Ngày 08 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B02-CTQ

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2012	2011
1. Doanh thu	01	15	31.088.542.763	17.721.608.666
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10		31.088.542.763	17.721.608.666
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11		9.570.086.148	6.431.064.743
5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		21.518.456.615	11.290.543.923
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	16	9.576.071.722	11.772.956.808
7. Chi phí tài chính	22	17	3.944.897.152	8.762.146.240
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		12.047.547.249	11.124.357.044
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		15.102.083.935	3.176.997.447
10. Thu nhập khác	31		45.834.260	28.226.523
11. Chi phí khác	32		45.500.000	-
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		334.260	28.226.523
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		15.102.418.195	3.205.223.970
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	11	3.684.542.607	-
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	11	27.990.633	649.699.041
15. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		11.389.884.955	2.555.524.929
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.139	256



Trần Thị Thủy
Giám đốc

Ngày 08 tháng 3 năm 2013

Đỗ Thị Kim Cúc
Phụ trách kế toán

Phạm Thị Thanh Vân
Người lập

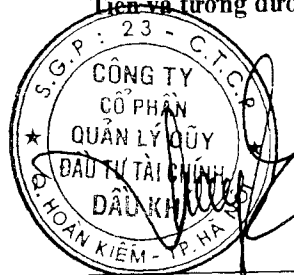
Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B03-CTQ
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2012	2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	36.698.026.937	38.045.642.195
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(430.547.753)	(27.326.903.523)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(7.916.665.463)	(6.725.870.967)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(2.648.590.152)	-
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	8.205.450.189	11.236.422.162
6. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(12.734.899.983)	(11.082.078.280)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	21.172.773.775	4.147.211.587
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(435.516.000)	(106.815.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	45.500.000	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(4.147.897.521)	(76.456.200.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	7.309.142.971	94.132.088.379
5. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia	27	551.742.700	1.331.446.842
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	3.322.972.150	18.900.520.221
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	24.495.745.925	23.047.731.808
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	68.308.334.274	45.260.602.466
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60)	70	92.804.080.199	68.308.334.274



Trần Thị Thủy
Giám đốc

Ngày 08 tháng 3 năm 2013

Đỗ Thị Kim Cúc
Phụ trách kế toán

Phạm Thị Thanh Vân
Người lập

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DẦU KHÍ

Tầng 6, 22 Ngõ Quỳ, Hoàn Kiếm

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

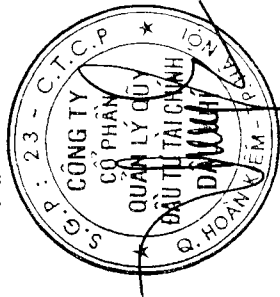
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ 05-CTQ
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng, giảm				Số dư cuối năm	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay		Năm trước		Năm nay	Năm trước
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	14	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-	-	-	100.000.000.000	100.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		3.672.544.239	1.117.019.310	11.389.884.955	-	2.555.524.929	-	15.062.429.194	3.672.544.239
Cộng		103.672.544.239	101.117.019.310	11.389.884.955	-	2.555.524.929	-	115.062.429.194	103.672.544.239



Trần Thị Thủy
Giám đốc

Đỗ Thị Kim Cúc
Phụ trách kế toán

Phạm Thị Thanh Vân
Người lập

Ngày 08 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DẦU KHÍ

Tầng 6, 22 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B09-CTQ**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư Tài chính Dầu khí (PVFC Capital) ("Công ty") là doanh nghiệp cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 23/UBCK-GP ngày 14 tháng 12 năm 2007 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 34 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 33 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

1. Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán;
2. Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ do Bộ tài chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2011 và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu và đầu tư dài hạn khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận ban đầu (Tiếp theo)

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm chi phí phải trả và các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn

Đầu tư chứng khoán ngắn, dài hạn bao gồm chứng khoán tự doanh và các chứng khoán đầu tư. Đầu tư ngắn, dài hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá chứng khoán.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư chứng khoán được Công ty thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành.

Đối với chứng khoán đã niêm yết, giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá thực tế trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng; Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

Đối với chứng khoán chưa niêm yết, giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định như sau:

- Đối với các chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.
- Đối với các chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng, gồm: Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt; Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt và Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital.
- Đối với các chứng khoán không có giao dịch hoặc giao dịch không đáng kể trên thị trường không chính thức (OTC) được phản ánh theo giá gốc.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B09-CTQ***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm chi phí phát sinh. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, chi tiết như sau:

Loại tài sản	2012
	Số năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Phương tiện vận tải	10
Khác	3

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 4 năm.

Doanh thu hoạt động kinh doanh

Doanh thu hoạt động kinh doanh bao gồm doanh thu từ hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, danh mục đầu tư chứng khoán, các khoản doanh thu này được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở hợp đồng ký kết và giá trị thực tế thực hiện.

Doanh thu hoạt động tài chính*Hoạt động tự doanh chứng khoán*

Lãi/lỗ từ hoạt động tự doanh chứng khoán được ghi nhận là doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính. Đối với chứng khoán đã niêm yết trên các sàn giao dịch chứng khoán, doanh thu hoặc chi phí hoạt động tự doanh chứng khoán được ghi nhận dựa trên cơ sở Thông báo khớp lệnh từ Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Đối với chứng khoán chưa niêm yết, doanh thu hoặc chi phí tự doanh chứng khoán được ghi nhận khi hoàn thành việc chuyển giao quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu từ hoạt động đầu tư

Doanh thu từ hoạt động đầu tư là lãi thu được từ cổ phiếu và trái phiếu. Lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do Công ty nắm giữ. Lãi đầu tư trái phiếu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU SỐ B09-CTQ***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Đầu tư chứng khoán của người ủy thác đầu tư**

Công ty nhận tài sản từ người ủy thác đầu tư và thay mặt người ủy thác đầu tư để thực hiện các giao dịch kinh doanh chứng khoán theo các quy định trong hợp đồng ủy thác đầu tư giữa Công ty với người ủy thác đầu tư. Các khoản đầu tư của người ủy thác đầu tư được phản ánh theo giá thị trường. Công ty không thực hiện đánh giá và trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư của người ủy thác đầu tư vì theo quy định của hợp đồng ủy thác đầu tư, người ủy thác đầu tư chịu mọi rủi ro đối với các khoản lỗ phát sinh trong quá trình đầu tư mà nguyên nhân không phải do Công ty vi phạm các điều khoản quy định trong hợp đồng. Công ty không ghi nhận các khoản mục liên quan đến hoạt động nhận ủy thác đầu tư trên Bảng cân đối kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DẦU KHÍTầng 6, 22 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B09-CTQ***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền mặt tại quỹ	184.148.880	3.758.430
Tiền gửi ngân hàng	5.530.246.387	2.304.575.844
Các khoản tương đương tiền (*)	87.089.684.932	66.000.000.000
	92.804.080.199	68.308.334.274

(*) Số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 là số dư các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng.

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Chứng khoán niêm yết	2.132.423.675	7.482.764.762
Chứng khoán chưa niêm yết	10.568.052.632	14.501.385.965
	12.700.476.307	21.984.150.727
Các khoản dự phòng	(4.762.662.077)	(7.209.660.408)
Chứng khoán niêm yết	(179.288.946)	(4.760.819.444)
Chứng khoán chưa niêm yết	(4.583.373.132)	(2.448.840.964)
	7.937.814.230	14.774.490.319
Đầu tư ngắn hạn ròng		

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DẦU KHÍ

Tầng 6, 22 Ngõ Quyền, Hoàn Kiếm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09-CTQ

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (Tiếp theo)

Chi tiết dự phòng các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

Công ty nhận đầu tư	Mã	Giá trị theo sổ sách kế toán		Giá trị thị trường	
		31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
Chứng khoán niêm yết					
Công ty Cổ phần Chế tạo Kết cấu thép VNECO.SSM	SSM	2.132.423.675	7.482.764.762	1.953.134.730	2.721.945.318
Công ty Cổ phần Dầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	SDU	-	458.501	-	264.763
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	MBB	804.419.442	1.529.942.710	-	106.040.000
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	PVS	854.102.765	5.952.363.551	774.134.730	2.615.640.555
Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam	PVF	473.901.468	-	759.000.000	-
			-	420.000.000	-
Chứng khoán chưa niêm yết		10.568.052.632	14.501.385.965	5.984.679.500	12.052.545.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn	SCB	1.980.000.000	1.980.000.000	226.400.000	656.560.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình	ABB	1.782.052.632	1.782.052.632	443.279.500	1.069.985.000
Công ty Cổ phần Dầu tư Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà 7	SSD7	-	3.933.333.333	-	3.520.000.000
Công ty Cổ phần An Phú (APC1)	APC1	1.806.000.000	1.806.000.000	315.000.000	1.806.000.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội		5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
		12.706.476.307	21.984.150.727	7.937.814.230	14.774.490.319

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DẦU KHÍ

Tầng 6, 22 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B09-CTQ***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***6. PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ**

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phải thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	266.768.105	283.318.333
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	8.770.521.535	14.363.455.481
	9.037.289.640	14.646.773.814

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phải thu lãi tiền gửi	1.042.628.833	223.750.000
Đặt cọc	5.000.000	5.000.000
Các khoản phải thu khác	69.675.000	245.517.237
	1.117.303.833	474.267.237

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2012	2.333.676.298	784.638.286	-	3.118.314.584
Tăng trong năm	404.270.000	-	31.246.000	435.516.000
Thanh lý	(418.371.586)	-	-	(418.371.586)
Tại ngày 31/12/2012	2.319.574.712	784.638.286	31.246.000	3.135.458.998
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2012	1.386.608.022	286.013.306	-	1.672.621.328
Khấu hao trong năm	628.805.514	78.463.824	-	707.269.338
Giảm trong năm	(420.469.459)	-	-	(420.469.459)
Tại ngày 31/12/2012	1.594.944.077	364.477.130	-	1.959.421.207
Giá trị còn lại				
Tại ngày 31/12/2012	724.630.635	420.161.156	31.246.000	1.176.037.791
Tại ngày 31/12/2011	947.068.276	498.624.980	-	1.445.693.256

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DẦU KHÍ

Tầng 6, 22 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B09-CTQ***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm ứng dụng VND
Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2012	40.000.000
Tăng trong năm	-
Giảm trong năm	-
Tại ngày 31/12/2012	40.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Tại ngày 01/01/2012	33.790.315
Khấu hao trong năm	6.209.685
Tại ngày 31/12/2012	40.000.000
Giá trị còn lại	
Tại ngày 31/12/2012	-
Tại ngày 31/12/2011	6.209.685

10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đầu tư tài chính dài hạn là khoản góp vốn thành lập Quỹ thành viên tập trung Cổ phần hóa Việt Nam với số vốn góp tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 6 tỷ VND (tương đương 10%). Quỹ được thành lập trong thời gian là 5 năm.

11. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2012 VND	2011 VND
Lợi nhuận trước thuế	15.102.418.195	3.205.223.970
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	551.742.700	1.737.991.591
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	411.419.998	230.500.000
Thu nhập chịu thuế	14.962.095.493	1.697.732.379
Lỗ lũy kế mang sang	(111.962.530)	(2.710.758.696)
Điều chỉnh theo quyết toán thuế	-	901.063.787
Thu nhập chịu thuế sau khi cộng lỗ thuế	14.850.132.963	(111.962.530)
Thuế suất	25%	25%
Tổng chi phí thuế TNDN	3.712.533.241	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	27.990.632	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.684.542.608	-
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	-	27.990.632

Biến động Tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm:

	2012 VND	2011 VND
Tại ngày 01/01	27.990.633	677.689.674
Ghi giảm vào chi phí trong năm	(27.990.633)	(649.699.041)
Tại ngày 31/12	-	27.990.633

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DẦU KHÍ

Tầng 6, 22 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B09-CTQ***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.035.952.455	-
Thuế thu nhập cá nhân	117.569.992	95.322.024
	1.153.522.447	95.322.024

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng	1.452.000.000	660.000.000
Các chi phí khác	518.132.555	111.354.848
	1.970.132.555	771.354.848

14. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**Vốn điều lệ**

Theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 23/UBCK-GP ngày 14 tháng 12 năm 2007, vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 VND.

Tình hình góp vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	31/12/2012		31/12/2011	
	VND	%	VND	%
Cổ đông				
Công ty Cổ phần PVI	24.000.000.000	24	24.000.000.000	24
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC)	11.000.000.000	11	11.000.000.000	11
Công ty Cổ phần Đầu tư Bắc Hà	29.000.000.000	29	29.000.000.000	29
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Khu công nghiệp Sông Đà	20.000.000.000	20	20.000.000.000	20
Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long	16.000.000.000	16	16.000.000.000	16
Cộng	100.000.000.000	100	100.000.000.000	100

Thông tin về cổ phiếu phổ thông:

- Số cổ phiếu được phép lưu hành: 10.000.000 cổ phiếu
- Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đủ: 10.000.000 cổ phiếu
- Mệnh giá của cổ phiếu: 100.000 VND/cổ phiếu
- Số cổ phiếu của Công ty đang lưu hành: 1.000.000 cổ phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DẦU KHÍ

Tầng 6, 22 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B09-CTQ***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. DOANH THU**

	2012	2011
	VND	VND
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ ĐTCK và công ty ĐTCK	3.184.482.507	2.154.416.161
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	27.904.060.256	15.567.192.505
	31.088.542.763	17.721.608.666

16. DOANH THU TÀI CHÍNH

	2012	2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi	8.858.290.424	6.216.749.889
Lãi đầu tư tài chính	46.176.513	3.241.304.151
Cổ tức, lợi nhuận được chia	551.742.700	1.086.759.990
Doanh thu hoạt động tài chính khác	119.862.085	1.228.142.778
	9.576.071.722	11.772.956.808

17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2012	2011
	VND	VND
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	6.387.795.483	9.603.337.069
(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(2.446.998.331)	(841.190.829)
	3.940.797.152	8.762.146.240

18. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ VÀ DANH MỤC ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN TRONG NĂM**Hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán*****Danh mục đầu tư chứng khoán Công ty đang thực hiện quản lý:***

- 1) Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đang thực hiện một số Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư cho Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam với tổng số vốn đầu tư theo cam kết là 10.414 tỷ VND, số vốn thực tế đang quản lý tương ứng là 9.969 tỷ VND.
- 2) Theo Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư số 301/2009/PVFC Capital-EVNF ký ngày 24 tháng 4 năm 2009 với Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực ("EVNF"), EVNF đồng ý ủy thác cho Công ty thực hiện quản lý danh mục đầu tư với tổng vốn đầu tư là 15 tỷ VND. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, tổng số vốn thực tế của hợp đồng này hiện Công ty đang thực hiện quản lý là 15 tỷ VND.
- 3) Theo Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư số 301/2011/PVFC Capital-PVN ký ngày 09 tháng 5 năm 2011 với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ("PVN"), PVN đồng ý ủy thác cho Công ty thực hiện quản lý danh mục đầu tư với tổng vốn đầu tư là 175 tỷ VND. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, tổng số vốn thực tế của hợp đồng này hiện Công ty đang thực hiện quản lý là 175 tỷ VND.
- 4) Theo Theo Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư ký ngày 24 tháng 10 năm 2012 với một đối tác nước ngoài, đối tác nước ngoài đồng ý ủy thác cho Công ty thực hiện quản lý danh mục đầu tư với tổng vốn đầu tư là 68 tỷ VND. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, tổng số vốn thực tế của hợp đồng này hiện Công ty đang thực hiện quản lý là 68 tỷ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DẦU KHÍ

Tầng 6, 22 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B09-CTQ***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ VÀ DANH MỤC ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN TRONG NĂM (Tiếp theo)****Hoạt động quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán****Tổng số Quỹ đầu tư chứng khoán Công ty đang thực hiện quản lý: 2**

- 1) Theo hợp đồng quản lý đầu tư với Công ty TNHH VIP, Công ty được ủy quyền thay mặt VIP thực hiện tất cả các hoạt động đầu tư tại Việt Nam theo các mục tiêu đầu tư và hạn chế đầu tư được quy định trong hợp đồng này.

Giá trị tài sản ròng của quỹ đầu tư tại ngày 31/12/2012: 68.967.856.607 VND

- 2) Theo hợp đồng quản lý quỹ đầu tư với Quỹ thành viên tập trung Cổ phần hóa Việt Nam (VEFF), Công ty được ủy quyền thực hiện các hoạt động đầu tư tại Việt Nam theo các mục tiêu đầu tư và hạn chế đầu tư được quy định trong hợp đồng này.

Giá trị tài sản ròng của quỹ đầu tư tại ngày 31/12/2012: 73.443.702.226 VND

19. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có cam kết thuê hoạt động không hủy ngang phát sinh từ hợp đồng cho mượn nhà tại 22 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội với số tiền là 1.716.000.000 VND đến ngày 15 tháng 7 năm 2013.

20. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các khoản tiền gửi, nhận ủy thác quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, nhận ủy thác quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và thuê văn phòng với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam và Quỹ thành viên tập trung Cổ phần hóa Việt Nam (VEFF).

Nghiệp vụ với các bên liên quan:

	2012 VND	2011 VND
Chi phí thuê văn phòng	3.168.000.000	3.168.000.000
Doanh thu quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	27.476.726.928	14.049.770.619
Doanh thu quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	1.424.802.182	230.679.299
Thu nhập từ lãi tiền gửi	6.286.900.555	108.888.889

Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền gửi tại tổ chức tín dụng	73.040.000.000	-
Phải thu về phí quản lý danh mục đầu tư	8.770.521.535	13.278.136.913
Phải thu về lãi tiền gửi	1.044.041.949	-
Phải thu về phí quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	122.653.092	117.048.263
Phải trả về chi phí thuê văn phòng	1.452.000.000	660.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DẦU KHÍ

Tầng 6, 22 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B09-CTQ***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)****Thu nhập của Ban Giám đốc:**

	2012	2011
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	1.058.318.860	1.228.900.128

21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có phần vốn của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	(không bao gồm dự phòng)			
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	92.804.080.199	68.308.334.274	92.804.080.199	68.308.334.274
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	12.700.476.307	21.984.150.727	7.937.814.230	14.774.490.319
Các khoản phải thu	10.084.918.473	14.875.523.814	(*)	(*)
Đầu tư dài hạn khác	6.000.000.000	6.000.000.000	(*)	(*)
	121.589.474.979	111.168.008.815		
Công nợ tài chính				
Chi phí phải trả	1.970.132.555	771.354.848	(*)	(*)
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	86.404.675	233.862.143	(*)	(*)
	2.056.537.230	1.005.216.991		

- (*) Ngoại trừ các tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính này tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty không chịu nhiều rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và có chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Trong năm, Công ty không thực hiện các giao dịch có gốc ngoại tệ. Vì vậy, công ty không chịu rủi ro tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất đối với Công ty bắt nguồn từ những thay đổi tiềm tàng trong giá trị của các tài sản và công nợ tài chính do biến động lãi suất thị trường. Ban Giám đốc định kỳ rà soát rủi ro tiềm tàng của Công ty trong bối cảnh kinh tế và điều kiện kinh doanh hiện hành, tập trung vào rủi ro lãi suất và rủi ro thị trường. Công ty chưa thực hiện đánh giá độ nhạy rủi ro lãi suất do chưa xây dựng được cơ sở dữ liệu đầu vào đáng tin cậy.

Quản lý rủi ro về giá công cụ vốn

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ mục đích kinh doanh. Biến động giá thị trường ảnh hưởng đến giá trị hợp lý của danh mục đầu tư của Công ty cũng như lãi lỗ từ hoạt động đầu tư. Để phòng ngừa rủi ro về giá (giảm giá chứng khoán đầu tư), Công ty đã đa dạng hóa danh mục đầu tư, xây dựng hạn mức đầu tư. Ngoài ra, việc cơ cấu các khoản đầu tư cũng giúp cho Công ty phòng ngừa được rủi ro về giảm giá các khoản đầu tư trong điều kiện thị trường khó khăn như hiện nay. Công ty chưa thực hiện đánh giá độ nhạy rủi ro giá thị trường của cổ phiếu do chưa xây dựng được cơ sở dữ liệu đầu vào đáng tin cậy.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DẦU KHÍ

Tầng 6, 22 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B09-CTQ***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	92.804.080.199	-	92.804.080.199
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	12.700.476.307	-	12.700.476.307
Các khoản phải thu	10.084.918.473	-	10.084.918.473
Đầu tư dài hạn khác	-	6.000.000.000	6.000.000.000
Tổng cộng	115.589.474.979	6.000.000.000	121.589.474.979
31/12/2012			
Chi phí phải trả	1.970.132.555	-	1.970.132.555
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	86.404.675	-	86.404.675
Tổng cộng	2.056.537.230	-	2.056.537.230
Chênh lệch thanh khoản thuần	113.532.937.749	6.000.000.000	119.532.937.749
31/12/2011			
Tiền và các khoản tương đương tiền	68.308.334.274	-	68.308.334.274
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	21.984.150.727	-	21.984.150.727
Các khoản phải thu	14.875.523.814	-	14.875.523.814
Đầu tư dài hạn khác	-	6.000.000.000	6.000.000.000
Tổng cộng	105.168.008.815	6.000.000.000	111.168.008.815
31/12/2011			
Phải trả người bán	-	-	-
Chi phí phải trả	771.354.848	-	771.354.848
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	233.862.143	-	233.862.143
Tổng cộng	1.005.216.991	-	1.005.216.991
Chênh lệch thanh khoản thuần	104.162.791.824	6.000.000.000	110.162.791.824

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DẦU KHÍTầng 6, 22 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B09-CTQ***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)***

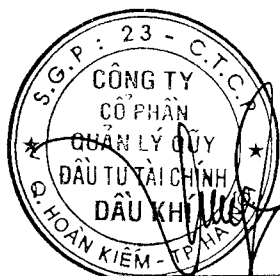
Ban Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

22. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011. Một số chỉ tiêu được trình bày lại cho mục đích so sánh như sau:

Khoản mục	Ghi chú	Số đã báo cáo VND	Phân loại lại VND	Số sau phân loại lại VND
Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	(i)	2.755.938.185	3.675.126.558	6.431.064.743
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(i)	14.799.483.602	(3.675.126.558)	11.124.357.044
Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	(ii)	47.587.334.863	(9.541.692.668)	38.045.642.195
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	(ii)	1.694.729.494	9.541.692.668	11.236.422.162

- (i) Khoản phân loại lại phản ánh chi phí nhân viên bộ phận kinh doanh được ghi nhận trên khoản mục “Chi phí quản lý doanh nghiệp”. Theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 05 tháng 9 năm 2011, chi phí nhân viên bộ phận kinh doanh được ghi nhận vào khoản mục “Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán” trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- (ii) Khoản phân loại lại phản ánh tiền nhận được từ lãi tiền gửi được ghi nhận vào khoản mục “Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác”. Theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 05 tháng 9 năm 2011, tiền thu từ lãi tiền gửi được ghi nhận vào khoản mục “Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh” trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.



Trần Thị Thủy
Giám đốc

Ngày 08 tháng 3 năm 2013

Đỗ Thị Kim Cúc
Phụ trách kế toán

Phạm Thị Thanh Vân
Người lập
